ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI **Mẫu biểu số 12.9**

Mã Chương:.....

DỰ TOÁN CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2027

(Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2027)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3-2	5=(3:2)*100	6	7	8	9	10=9-8	11=(9:8)*100
	TỔNG SỐ	**1218**	**2471**	**2489**	**18**	**100.7285**	**5742.6**	**222**	**14077.6**	**14916.86**	**839.26**	**105.96167**
I	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**	**0**	**4**	**10**	**6**	**250**	**0**	**0**	**10**	**313.6**	**303.6**	**3136**
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trợ cấp một lần khi truy tặng Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người thừa kế của liệt sĩ	0	0	6	6	0	0	0	0	303.6	0	0
4	Bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi hoặc được truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi hoặc được truy tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động" trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
6	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế	0	4	4	0	100	0	0	10	10	0	100
8	Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng, hoặc người trong gia đình được tặng huy chương kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Người có công giúp đỡ cách mạng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử lại miền Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 theo Nghị định số 23/1999/NĐ-CP;	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg;	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Chi trợ cấp một lần đối với các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH CÓ TỶ LỆ TỔN THƯƠNG CƠ THỂ TỪ 5%-20%**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
1	Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5% - 10%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% - 15%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 16% - 20%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**	**151**	**148**	**148**	**0**	**100**	**2263.024**	**0**	**5394.59**	**5394.59**	**0**	**100**
1	Người hoạt động cách mạng	1	1	1	0	100	14.42		34.608	34.608	0	100
2	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh binh	31	30	30	0	100	734.28		1706.808	1706.808	0	100
5	Người phục vụ thương binh, Thương binh B, Bệnh binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, HĐKC nhiễm chất độc hóa học	9	9	9	0	100	114.349		301.212	301.212	0	100
6	Trợ cấp tuất đối với thân nhân người có công với cách mạng	45	44	44	0	100	516.823		1193.52	1193.52	0	100
7	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	39	38	38	0	100	606.757		1495.092	1495.092	0	100
8	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	6	6	6	0	100	50.19		120.456	120.456	0	100
9	Người có công giúp đỡ cách mạng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học	14	14	14	0	100	145.01		348.024	348.024	0	100
11	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010	5	5	5	0	100	67.47		161.93	161.93	0	100

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
12	Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống mỹ dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010	1	1	1	0	100	13.725		32.94	32.94	0	100
13	Đối tượng trực tiếp tham gia chiến trang bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Chi trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH**	**154**	**153**	**153**	**0**	**100**	**2461.35**	**0**	**5769.42**	**5769.42**	**0**	**100**
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 21%	38	40	40	0	100	356.82		901.44	901.44	0	100
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 22%	5	5	5	0	100	49.225		118.14	118.14	0	100
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 23%	9	8	8	0	100	92.385		197.088	197.088	0	100
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 24%	2	2	2	0	100	21.44		51.456	51.456	0	100
5	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 25%	16	15	15	0	100	178.88		402.48	402.48	0	100
6	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 26%	1	1	1	0	100	11.615		27.876	27.876	0	100
7	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 27%	2	1	1	0	100	24.11		28.932	28.932	0	100
8	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 28%	1	1	1	0	100	12.525		30.06	30.06	0	100
9	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%	1	1	1	0	100	12.945		31.068	31.068	0	100
10	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%	1	1	1	0	100	13.415		32.196	32.196	0	100
11	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 31%	10	10	10	0	100	138.5		332.4	332.4	0	100
12	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 32%	2	2	2	0	100	28.62		68.688	68.688	0	100
13	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 33%	2	2	2	0	100	29.5		70.8	70.8	0	100
14	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 34%	1	1	1	0	100	15.2		36.48	36.48	0	100
15	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 35%	5	5	5	0	100	78.3		187.92	187.92	0	100

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
16	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%	2	2	2	0	100	32.17		77.208	77.208	0	100
17	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 37%	2	2	2	0	100	33.04		79.296	79.296	0	100
18	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%	2	2	2	0	100	33.99		81.576	81.576	0	100
19	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
20	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 40%	1	1	1	0	100	17.88		42.912	42.912	0	100
21	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 41%	14	14	14	0	100	256.69		616.056	616.056	0	100
22	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 42%	1	1	1	0	100	18.765		45.036	45.036	0	100
23	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 43%	2	2	2	0	100	38.39		92.136	92.136	0	100
24	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 44%	1	1	1	0	100	19.67		47.208	47.208	0	100
25	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 45%	4	4	4	0	100	80.48		193.152	193.152	0	100
26	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 46%	3	3	3	0	100	61.695		148.068	148.068	0	100
27	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 47%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
28	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 48%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
29	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 49%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
30	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 50%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
31	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 51%	4	4	4	0	100	91.22		218.928	218.928	0	100
32	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 52%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
33	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%	1	1	1	0	100	23.68		56.832	56.832	0	100
34	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 54%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
35	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 55%	1	1	1	0	100	24.59		59.016	59.016	0	100
36	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 56%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
37	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 57%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
38	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 58%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
39	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 59%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
40	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 60%	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
41	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 61%	8	8	8	0	100	218		523.2	523.2	0	100
42	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 62 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
43	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 63 %	1	1	1	0	100	28.145		67.548	67.548	0	100
44	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 64 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
45	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 65 %	2	2	2	0	100	58.09		139.416	139.416	0	100
46	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 66 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
47	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 67 %	1	1	1	0	100	29.95		71.88	71.88	0	100
48	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 68 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
49	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 69 %	1	1	1	0	100	30.85		74.04	74.04	0	100
50	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 70 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
51	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 71 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
52	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 72 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
53	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 73 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
54	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 74 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
55	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 75 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
56	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 76 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
57	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 77 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
58	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 78 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
59	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 79 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
60	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 80 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
61	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81 %	6	6	6	0	100	217.2		521.28	521.28	0	100

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
62	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 82 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
63	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 83 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
64	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 84 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
65	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 85 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
66	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 86 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
67	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 87 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
68	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 88 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
69	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 89 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
70	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 90 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
71	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 91 %	1	1	1	0	100	40.67		97.608	97.608	0	100
72	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 92 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
73	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 93 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
74	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 94 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
75	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 95 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
76	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 96 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
77	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 97 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
78	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 98 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
79	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 99 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
80	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 100 %	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
81	Phụ cấp TB, Người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
82	Phụ cấpTB, Người hưởng chính sách như TB có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0
V	**TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH LOẠI B**	**7**	**7**	**7**	**0**	**100**	**81.71**	**0**	**196.104**	**196.104**	**0**	**100**

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 21%	3	3	3	0	100	23.28	0	55.872	55.872	0	100
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 22%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 23%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 24%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 25%	1	1	1	0	100	9.24	0	22.176	22.176	0	100
6	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 26%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 27%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 28%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 31%	1	1	1	0	100	11.4	0	27.36	27.36	0	100
12	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 32%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 33%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 34%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 35%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 37%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 38%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 40%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 41%	1	1	1	0	100	15.075	0	36.18	36.18	0	100
22	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 42%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
23	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 43%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 44%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 45%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 46%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 47%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 48%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 49%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 50%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 51%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 52%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 54%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 55%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 56%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 57%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 58%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 59%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 60%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 61%	1	1	1	0	100	22.715	0	54.516	54.516	0	100
42	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 62 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 63 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 64 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
45	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 65 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 66 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 67 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 68 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 69 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 70 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 71 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 72 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 73 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 74 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 75 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 76 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 77 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 78 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 79 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 80 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 82 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 83 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 84 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
65	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 85 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
66	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 86 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
67	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 87 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
68	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 88 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
69	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 89 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
70	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 90 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
71	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 91 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
72	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 92 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
73	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 93 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
74	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 94 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
75	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 95 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
76	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 96 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
77	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 97 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
78	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 98 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
79	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 99 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
80	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 100 %	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
81	Phụ cấp Thương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
82	Phụ cấpThương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VI	**ĐIỀU DƯỠNG PHỤC HỒI SỨC KHỎE**	**61**	**125**	**123**	**-2**	**98.4**	**153.1**	**0**	**414.17**	**409.15**	**-5.02**	**98.787937**
1	Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tại nhà	61	85	83	-2	97.64706	153.1	0	213.36	208.34	-5.02	97.647169
2	Điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung	0	40	40	0	100	0	0	200.81	200.81	0	100
VII	**HỖ TRỢ PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CẦN THIẾT**	**25**	**21**	**30**	**9**	**142.8571**	**34.77**		**10.05**	**32.43**	**22.38**	**322.68657**

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
1	Hỗ trợ mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng cần thiết	25	21	30	9	142.8571	34.77		10.05	32.43	22.38	322.68657
2	Hỗ trợ tiền đi lại và tiền ăn cho đối tượng khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình hoặc khi đi điều trị phục hồi chức năng theo chỉ định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VIII	**HỖ TRỢ CÁC CHÍNH SÁCH, NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC LIỆT SĨ**	**225**	**341**	**308**	**-33**	**90.32258**	**315**	**0**	**474.4**	**730.2**	**255.8**	**153.92074**
1	Hỗ trợ chi phí báo tử liệt sĩ	0	0	6	6	0	0		0	15.2	15.2	0
2	Trợ cấp thờ cúng đối với liệt sĩ không còn thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	225	335	290	-45	86.56716	315		469	406	-63	86.567164
3	Chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	0	6	6	0	100	0		5.4	5.4	0	100
4	Chi hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi trợ cấp một lần khi truy tặng Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người thừa kế của liệt sĩ	0	0	6	6	0	0		0	303.6	303.6	0
6	Chi thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IX	**CÁC CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC**	**595**	**1672**	**1710**	**38**	**504.6975**	**352.646**	**0**	**1668.87**	**1871.37**	**202.5**	**112.13396**
1	Bảo hiểm y tế	287	287	286	-1	99.65157	155.4		362.9	392.2	29.3	108.07385
2	Trợ cấp ưu đãi giáo dục - đào tạo	0	10	8	-2	80	0		125.24	55.94	-69.3	44.666241
3	Quà lễ, tết	0	1,027	1,056	29	102.8238	0		313.8	332.5	18.7	105.95921
4	Chi công tác Mộ - Nghĩa trang liệt sĩ	288	294	294	0	100	0	0	5.4	5.4	0	0
5	Chi hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng và đón tiếp người có công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Các chế độ ưu đãi khác	20	54	66	12	122.2222	197.246		861.53	1085.33	223.8	125.97704
X	**CHI PHÍ QUẢN LÝ**						**81**	**222**	**140**	**200**	**60**	**142.85714**

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG (người)					KINH PHÍ (triệu đồng)					
		Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện năm 2026	Dự toán năm 2027	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026		Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 2.789.000 đồng).	Dự toán năm 2027 so với ước thực hiện năm 2026	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %

GHI CHÚ:

- Tổng số lượng và giá trị tại Biểu số 12.9 = Tổng số lượng và giá trị của các biểu chi tiết số 12.9.1 + 12.9.2+ 12.9.3+ 12.9.4

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)
12

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)

Dự toán năm 2027 (Theo mức chuẩn 3.012.000 đồng)